

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 02 - 2021
V/v: ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tuấn Vũ
2. Bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “ ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX - ST ngày 12/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐ - HPT ngày 28/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị S**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Ông **Đoàn Văn H** (Đoàn Quốc H), sinh năm 1958;

Địa chỉ: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phan Thị S trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị S và ông Đoàn Văn H (Đoàn Quốc H) tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Tân huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình ngày 07/02/1983. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và làm việc tại tiểu khu 40 thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Đến năm 2000, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên sử dụng ma túy phải đi cai nghiện và chấp hành án nhiều lần. Đầu năm 2017, vợ chồng về chung sống cùng nhau tại thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống. Tháng 6/2020, bà S cùng cháu H và cháu H1 đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại tổ dân phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nay bà S không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng với ông H nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

- Về quan hệ con chung: vợ chồng có 03 con chung là Đoàn Hùng C, sinh năm 1984 đã chết năm 1994 do tai nạn giao thông, Đoàn Minh H1 sinh ngày 01/3/1989 bị tai nạn giao thông năm 2016 sống thực vật đang do bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và Đoàn Minh H2 sinh ngày 17/10/1997 đã trưởng thành. Ly hôn bà S có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H, bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu H1.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn là ông Đoàn Văn H (Đoàn Quốc H) trình bày:* Về thời gian kết hôn cũng như quá trình mâu thuẫn vợ chồng như bà S trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H sử dụng ma túy phải đi cai nghiện, bà S không chung thủy, con trai lớn chết do tai nạn giao thông. Khoảng tháng 11/2019, khi ông H không ở nhà, bà S đưa cháu H1 về sinh sống ở tổ dân phố T thị trấn K huyện K từ đó không quay về chung sống cùng ông H nữa. Nay bà S xin ly hôn, ông H không đồng ý ly hôn. Vợ chồng ông có 03 con chung như bà S đã trình bày. Vợ chồng ông có tài sản là mảnh đất mua của ông Phan Ngọc T ở khu Giang Nam thị trấn Kiến Xương nay là tổ dân phố Thống Nhất thị trấn Kiến Xương sau đó vợ chồng làm thủ tục sang tên cho cháu Đoàn Minh H1. Hiện nay cháu H1 đang bị tai biến sống đời sống thực vật. Nếu vợ chồng ly hôn, ông H đề nghị Tòa án giải quyết quyền sử dụng đất đứng tên cháu H1. Tài sản trên sau khi định giá sẽ chia làm 04 phần: ông H một phần, bà S một phần, cháu H1 một phần và cháu H2 một phần. Ngoài ra vợ chồng ông không có tài sản chung nào khác, không vay nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bà S không đồng ý việc ông H đề nghị Tòa án chia tài sản là quyền sử dụng đất mang tên cháu H1 khi vợ chồng ly hôn vì đó là

tài sản riêng của cháu H1, hiện tại cháu H1 đang sống thực vật và bà S đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc chưa biết đến khi nào.

* Kết quả xác minh tại UBND xã Minh Tân, huyện Kiến Xương thể hiện: Bà S và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do ông H có thời gian sử dụng ma túy phải đi cai nghiện và chấp hành án phạt tù. Khi ông H trở về nhà thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Hiện nay bà S đã làm thủ tục chuyển khẩu cùng 02 con Đoàn Minh 1 và Đoàn Minh H2 đến tổ dân phố T thị trấn K huyện K sinh sống, còn ông H vẫn có hộ khẩu tại thôn N xã M và đang sinh sống tại địa phương. Nay bà S xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng bà S ông H có 03 con chung là Đoàn Hùng C sinh năm 1984 đã chết năm 1994, Đoàn Minh H1 sinh năm 1989 bị tai nạn giao thông hiện sống thực vật và Đoàn Minh H2 sinh năm 1997. Hiện nay cháu H1 đang được bà S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng tại tổ dân phố T thị trấn K huyện K. Vợ chồng bà S ông H không có tài sản chung tại địa phương, không vay nợ chung.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho bà S được ly hôn ông H.

Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Đoàn Minh Hạnh sinh ngày 01/3/1989 cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Việc cấp dưỡng không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà S không yêu cầu giải quyết, ông H đề nghị chi tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 438 tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU 345903 mang tên Đoàn Minh H1 nhưng ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản này đồng thời cũng không đến làm việc theo giấy triệu tập nên không có căn cứ giải quyết. Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, bà S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn n H bị đơn vắng mặt và nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 328 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để làm rõ tình trạng hôn nhân, tài sản chung vợ chồng, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà S kết hôn với ông H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại vợ chồng mỗi người chung sống một nơi. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông H sử dụng ma túy phải đi cai nghiện nhiều lần và nghi ngờ bà S không chung thủy. Ông H không đồng ý ly hôn n H cũng không có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng và cũng không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ vợ chồng, còn bà S không chấp nhận việc đoàn tụ và cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn ông H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà S và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận xử cho bà S được ly hôn ông H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng bà S, ông H có 03 con chung là Đoàn Hùng C, sinh năm 1984 đã chết năm 1994 do tai nạn giao thông, Đoàn Minh H1 sinh ngày 01/3/1989 bị tai nạn giao thông năm 2016 sống thực vật đang do bà S chăm sóc, nuôi dưỡng và Đoàn Minh H2 sinh ngày 17/10/1997 đã trưởng thành. Ly hôn, bà S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu H1. Xét thấy, cháu Hạnh bị tai nạn giao thông sống thực vật, không có khả năng lao động nên cha, mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng và chăm sóc. Cháu H1 được bà S trông nom, nuôi dưỡng và chăm sóc từ khi bị tai nạn năm 2016 đến nay, bà S hiện nay cũng đã nghỉ hưu và có lương hưu hàng tháng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu H1 cần giao cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hạnh và chấp nhận việc bà S không yêu cầu ông H cấp

đưỡng nuôi cháu H1. Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc cháu H1, không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung vợ chồng, ông H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung nhưng đề nghị Tòa án chia tài sản là quyền sử dụng đất mang tên cháu H1 là con chung của ông H và bà S. Ông H trình bày nguồn gốc thửa đất mang tên cháu H1 là do vợ chồng ông mua của người khác và sau đó đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất của vợ chồng ông cho cháu Đoàn Minh H1 và cháu H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 345903 do UBND huyện Kiến Xương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2014 . Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/11/2020, Tòa án đã giải thích trực tiếp cho ông H về quyền được yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng và có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Ngày 23/11/2020, Tòa án đã gửi thông báo yêu cầu ông H cung cấp tài liệu, chứng cứ cụ thể liên quan đến yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất hiện nay đã mang tên cháu Đoàn Minh H1. Ngày 25/11/2020, ông H đã nhận được thông báo nhưng ông H không đến Tòa án làm việc và không cung cấp theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy quyền sử dụng đất mang tên cháu Đoàn Minh H1 được xác định là tài sản riêng của cháu H1 thuộc quyền sở hữu của cháu H1, không phải tài sản chung của vợ chồng ông H, bà S theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy yêu cầu của ông H về chia tài sản thuộc quyền sở hữu của cháu H1 không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 69, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 328 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phan Thị S được ly hôn ông Đoàn Văn H(Đoàn Quốc H).

2. *Về quan hệ con chung*: Giao cho bà Phan Thị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Minh H1 sinh ngày 01/3/1989. Bà Phan Thị S không yêu cầu ông Đoàn Quốc H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung Đoàn Minh H1. Ông Đoàn Quốc H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Phan Thị S phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001727 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Bà Phan Thị S đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- THA huyện Kiến Xương;
- UBND xã Minh Tân, huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

